

Bản án số: **39/2020/HS-ST**
Ngày 30-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo, bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Hà và ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST - HS ngày 01 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 27/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Học P** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1976 tại tỉnh Hà Giang;

Nơi cư trú: Thôn Lán SB, xã Phố C, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do (Làm nương); trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Sỹ S và bà Trương Thị H; vợ Dương Thị D; con: Có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo:*

- Ông Lê Quý Thành và bà Trần Thị Kim Oanh – Luật sư, Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 52, tổ 5, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Văn Thắng – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

** Người làm chứng:*

- Chị Dương Thị D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Lán SB, xã Phố C, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 7/2001, Nguyễn Văn S, trú tại thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc cùng với Đặng Quốc H, trú tại Tiểu khu 13, thị trấn M, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La mua 90kg thuốc phiện của một người Lào tên L với giá 3.700.000đ/ 01kg và đem về cất giấu tại nhà H. Tháng 8/2001, S thuê xe ô tô của Công ty TNHH Duy Hiện chở 90kg thuốc phiện trên lên xóm Lán Sì, xã Phố C, huyện Đ, tỉnh Hà giang bán cho Vi Học D.

Trong tháng 8/2001, Vi Học D cùng với Lừu Dĩ K, trú xóm Sán Trồ, xã Phò Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (là anh vợ của D) bán 90kg thuốc phiện mua của S cho các đối tượng có tên Thề D và Thèn P đều là người Trung Quốc, với giá 4.500 nhân dân tệ/01 kg. Trong đó, bán cho đối tượng Thề D là 57kg thuốc phiện, việc mua bán số thuốc phiện này còn có Vi Học P, sinh năm 1976, trú tại xóm Lán Sì B, xã Phố C, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (là em trai của D) tham gia cùng với D vận chuyển thuốc phiện từ nhà D đến nhà K để bán cho Thề D, cụ thể:

Lần 1: Trong tháng 8/2001, Lừu Dĩ K đi chợ Phố Bàng, huyện Đ gặp Thề D, Thề D hỏi mua 20kg thuốc phiện, K nhất trí, sau đó K đi đến nhà D bảo D ngày hôm sau cùng P vận chuyển 20 kg thuốc phiện đến nhà K. Sáng hôm sau, D và P cho 20kg thuốc phiện vào ba lô cùng nhau vận chuyển đến nhà K; K bán số thuốc phiện trên cho Thề D.

Lần 2: Sau lần 01 khoảng 05 đến 06 ngày, K tiếp tục gặp Thề D ở chợ Phố Bàng, huyện Đ, Thề D hỏi mua 20kg thuốc phiện và hẹn mang lên địa điểm cũ giao hàng, K nhất trí. Sau đó K gặp D ở chợ, K bảo D ngày mai cùng P vận chuyển 20kg thuốc phiện lên địa điểm cũ. Khoảng 12 giờ ngày hôm sau, D và P cho 20kg thuốc phiện vào ba lô cùng nhau vận chuyển đến cho K; K bán cho Thề D.

Lần 3: Sau lần 02 khoảng 06 ngày đến phiên chợ P, huyện Đ, K lại gặp Thề D ở chợ, Thề D hỏi mua 17kg thuốc phiện, K nhất trí và đi đến nhà D, K bảo D ngày mai cùng P mang lên địa điểm cũ 17kg thuốc phiện. Khoảng 12 giờ hôm sau, D, P vận chuyển 17kg thuốc phiện lên cho K; K bán cho Thề D.

Về số tiền bán 57kg thuốc phiện cho Thề D, Lừu Dĩ K khai, sau khi trả tiền mua thuốc phiện cho Nguyễn Văn S, còn lại tiền lãi chia đều cho K, D và P; còn Vi Học D khai không biết K trả tiền công cho P bao nhiêu. Số thuốc phiện còn lại 33kg, D và K bán cho đối tượng Thèn P người Trung Quốc.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Vi Học P bỏ trốn khỏi địa phương sang Trung Quốc. Ngày 03/10/2002, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên

Quang ra quyết định truy nã đối với Vi Học P; đến ngày 11/02/2020, Công an tỉnh Hà Giang đã bắt được P theo quyết định truy nã.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-P1 ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Vi Học P về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Học P không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát, bị cáo chỉ thừa nhận vận chuyển 01 lần số lượng khoảng 01kg thuốc phiện từ nhà Vi Học D mang lên nhà Lưu Dĩ K.

Phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vi Học P như nội dung Bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vi Học P phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”;

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; điểm m khoản 1 Điều 51; **Điều 38**; Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Vi Học P 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 12/02/2020.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 02 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO nhưng tạm giữ để thi hành án

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo, luật sư Lê Quý Thành trình bày luận cứ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không nhận vận chuyển 57 kg, nhưng lời khai của Vi Học D và Lưu Dĩ K tuy có khớp nhau nhưng lại không được đối chứng với bị cáo P vì hai bị cáo kia đều đã bị thi hành án tử hình. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa; văn hoá của bị cáo mới học lớp 2; gia đình có truyền thống tham gia cách mạng có bác và chú tham gia kháng chiến; vợ bị cáo là Dương Thị D đã phải rất vất vả để nuôi con. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Luật sư Trần Thị Kim Oanh nhất trí với quan điểm của Luật sư Lê Quý Thành, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có nhân thân tốt, là dân tộc thiểu số sống ở vùng cao, bị cáo không biết chữ nên mong HĐXX xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo dưới khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Văn Thăng trình bày luận cứ: Vụ án này là án truy xét, đã xảy ra từ rất lâu. Các căn cứ buộc tội bị cáo Vi Học P đều căn cứ vào lời khai của bị cáo Vi Học D và Lưu Dĩ K, lời khai của 02 bị cáo này có chỗ có

mâu thuẫn. K có bảo D mang ma túy đến bán cho Thè D và Thèn P. Mỗi quan hệ của P và K là biết nhau, vậy tại sao mua của D lại phải chỉ định Vi Học P mang ma túy đến. Với khối lượng 20kg thì có cần thiết phải 02 người cùng vận chuyển không? Tại sao lại chia cho 03 người, nhưng D lại không biết K trả cho P bao nhiêu, nhưng thuốc phiện của D, D bán cho K. Đề nghị xem lại việc S mang ma túy từ tháng 7/2001 lên sau đó một tháng sau mới đem bán thì số lượng ma túy 90kg để tại nhà có được không? Từ đó tôi đề nghị HĐXX xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo, bị cáo Vi Học P vận chuyển 1kg, xét nhân thân bị cáo tốt, phạm tội lần đầu, gia đình có truyền thống có công với nhà nước, người dân tộc sống ở vùng sâu vùng xa nên áp dụng khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự để áp dụng cho bị cáo và cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo biết việc vận chuyển 01 lần là sai và vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai mình không được mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy là thuốc phiện như cáo trạng truy tố; bị cáo cho rằng số tiền Vi Học D đưa cho bị cáo không phải là trả tiền công vận chuyển ma túy mà là tiền bị cáo vay của D. Bị cáo chỉ thừa nhận vận chuyển 01 lần số lượng khoảng 01kg thuốc phiện từ nhà Vi Học D mang lên nhà Lừu Dĩ K.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, cùng lời khai của Vi Học D, Lừu Dĩ K và lời khai của Nguyễn Văn S và Đặng Quốc H cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng tháng 08/2001, Vi Học P trú tại xóm Lán Xì, xã Phố C, huyện Đ, tỉnh Hà giang, đã có hành vi 03 lần tham gia cùng Vi Học D (anh trai P) vận chuyển trái phép 57 kg thuốc phiện từ nhà D, xóm Lán Xì, xã Phố C, huyện Đ, tỉnh Hà giang đến nhà Lừu Dĩ K, xóm Sán Trồ, xã Phố Là, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để D và K bán cho Thè D người Trung Quốc, cụ thể: Lần 1: Trong tháng 8/2001, Vi Học P cùng Vi Học D vận chuyển 20 kg thuốc phiện từ nhà D đến nhà Lừu Dĩ K. Lần 2: Sau lần 01 khoảng 05 đến 06 ngày, Vi Học P cùng Vi Học D vận chuyển 20 kg thuốc phiện từ nhà D đến nhà Lừu Dĩ K. Lần 3: Sau lần 2 khoảng 06 ngày Vi Học P cùng Vi Học D vận chuyển 17 kg thuốc phiện từ nhà D đến nhà Lừu Dĩ K.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vi Học P đã cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến

các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức hành vi nhưng đã cố tình coi thường pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã bỏ trốn tại địa phương. Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác, làm mất an ninh chính trị tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 08/2001 (Khi Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực), do đó để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; phạm tội do lạc hậu, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo có ông nội được tặng thưởng Bằng gia đình vẻ vang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét khi quyết định hình phạt cho phù hợp với hành vi của bị cáo.

[5] Về mức hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ vì trong vụ án, các bị cáo có mối quan hệ họ hàng thân thích với nhau, lời khai của Vi Học D và lời khai của Lừ Dĩ K phù hợp về thời gian, địa điểm vận chuyển ma túy, trong đó bị cáo Vi Học P tham gia vận chuyển 03 lần. Quá trình điều tra không xác định K trả công cho P bao nhiêu nên không có căn cứ quy kết bị cáo P phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy có đủ căn cứ Vi Học P vận chuyển 03 lần với số lượng 57kg.

[7] Về xử lý vật chứng: Sau khi xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho bị cáo Vi Học P: 02 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng, chiếc thứ nhất mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, bên trong có 01 sim, số thuê bao 0837558308; chiếc thứ hai màu đen không có sim, nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Đối với các bị cáo Vi Học D, Lừ Dĩ K, Nguyễn Văn S và Đặng Quốc H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm tại Bản án số 152/STHS ngày 27/11/2003 và Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm tại Bản án số 611/HSPT ngày 23/4/2004, quyết định tuyên phạt các bị cáo: Vi Học D,

tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 02 năm tù về tội Mua bán trái phép vũ khí quân dụng, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là “Tử hình”. Bị án thi hành án tử hình ngày 02/12/2004 tại Trại giam Quyết Tiến, Cục V26 Bộ Công an. Lưu Di K, tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 02 năm tù về tội Mua bán trái phép vũ khí quân dụng, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là “Tử hình”. Bị án thi hành án tử hình ngày 02/12/2004 tại Trại giam Quyết Tiến, Cục V26 Bộ Công an. Đặng Quốc H, tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị án thi hành án tử hình ngày 29/7/2005 tại pháp trường xóm 18, xã Nông Tiến, thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang. Nguyễn Văn S, tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo được Chủ tịch nước ân giảm hình phạt tử hình xuống tù chung thân theo Quyết định số 207/2005/QĐ/CTN ngày 18/3/2005. Tuy nhiên, do bị bệnh hiểm nghèo nên ngày 06/12/2017 bị cáo được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; bị cáo chết ngày 18/12/2017.

[9] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Vi Học P** phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm m khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 7; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xử phạt: Bị cáo Vi Học P **20 (hai mươi)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (12/02/2020).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vi Học P: 01 (một) điện thoại VIVO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, bên trong có 02 sim, trong đó có 01 sim số 0837558308, điện thoại cũ đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong máy. Số imel1: 862605036795634, số imel2: 862605036795626; 01 (một) điện thoại VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng bên trong của máy (máy bị khóa không có mật khẩu mở máy nên không kiểm tra được số imel) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 07/9/2020).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Vi Học P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/12/2020.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CAT Tuyên Quang;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tuấn Tú